

PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

NGUYỄN HỮU KHIỂN (*)

Tóm tắt: Những thành tựu về kinh tế - xã hội đất nước ta đạt được cho đến hiện nay có sự đóng góp to lớn của khu vực kinh tế tư nhân. Giai đoạn gần đây, kinh tế tư nhân đã thực sự phát triển mạnh mẽ, đóng vai trò là một trong những động lực quan trọng nhất để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế quốc gia. Bài viết tập trung phân tích mối quan hệ của chủ nghĩa xã hội và kinh tế tư nhân; mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, đồng thời đề xuất một số vấn đề có tính định hướng đối với phát triển kinh tế tư nhân trong thời gian tới.

Từ khóa: Chủ nghĩa xã hội; kinh tế tư nhân; lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất; mối quan hệ.

Abstract: The socio-economic achievements that our country has attained to date owe a great deal to the contributions of the private economic sector. In recent times, the private economy has developed vigorously and has played the role of one of the most important driving forces to promote national economic growth. This article focuses on analyzing the relationship between socialism and the private economy; the relationship between the productive forces and production relations, while also proposing several orientation issues for the development of the private economy in the forthcoming period.

Keywords: Socialism; private economy; productive forces; production relations; relationships.

Ngày nhận bài: 15/4/2025

Ngày biên tập: 11/5/2025

Ngày duyệt đăng: 19/5/2025

1. Quan hệ giữa kinh tế tư nhân và chủ nghĩa xã hội

Về vấn đề này, triết học Mác - Lênin cũng như học thuyết về chủ nghĩa xã hội của các nhà kinh điển đã chỉ ra một cách biện chứng, khoa học. Tổng Bí thư Tô Lâm vừa có bài viết quan trọng về chủ đề này khi đề cập đến vai trò của kinh tế tư nhân⁽¹⁾ trong điều kiện phát triển xã hội Việt Nam hiện nay. Trong hệ sinh thái kinh tế Việt Nam hiện nay, kinh tế tư nhân đã, đang xuất hiện và khẳng định vai trò bên cạnh các thành phần kinh tế khác.

Trong học thuyết về chủ nghĩa xã hội đặc biệt nhấn mạnh đến 02 hình thái, đó là: *Hình thái thứ nhất*, chủ nghĩa xã hội (CNXH) là một hình thái quá độ từ chủ nghĩa tư bản

(CNTB) lên chủ nghĩa cộng sản (CNCS). Nó ra đời ngay sau các cuộc cách mạng do các đảng vô sản và công nhân lãnh đạo. Cách mạng trong biến cố xã hội được hiểu cơ bản nhất là sự thay đổi căn bản làm cho tính chất của thể chế xã hội thay đổi theo hướng tiến bộ. Nghĩa là không đơn giản là sự thắng lợi bạo lực. Hiện cũng chưa có dự báo nào về tính cách mạng lên CNCS từ các nước tư bản phát triển đạt tới hạn cần phải giải quyết mâu thuẫn để thay đổi tính chất của sự phát triển sẽ ra sao, dưới hình thức nào (ngoài sự thay đổi đột biến, có tính bước ngoặt của sự vận động xã hội).

Hình thái thứ hai, là các dân tộc tiến tới CNCS từ một xã hội tiền tư bản nhưng muốn bỏ qua hình thái phát triển này, nhất là biểu hiện về chính trị và văn hóa. Việt Nam chính là hình thái thứ hai này trong thế giới đương đại (cùng với một số quốc gia như Trung

(*) **GS.TS; nguyên Phó Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia**

Quốc, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào...). Vấn đề này đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm ngay từ sau Cách mạng tháng Tám thành công, rằng muốn tiến tới CNCS, xã hội Việt Nam “cần phải có kỹ nghệ, nông nghiệp và tất cả mọi người đều được phát triển hết khả năng của mình”⁽²⁾, tuy nhiên Người cũng khẳng định khi đó ở Việt Nam thì “những điều kiện ấy chưa có đủ”⁽³⁾. Như vậy ngay từ ngày đầu độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định con đường đi của dân tộc và những khó khăn, phức tạp đã xuất hiện. Người đề cập sự thiếu và cần có kỹ nghệ, nông nghiệp và con người (là lực lượng sản xuất hàng đầu) chính là nói về nền tảng phát triển lực lượng sản xuất xã hội Việt Nam còn đang thiếu và yếu. Cho đến nay, nhận định đó còn nguyên giá trị mặc dù chúng ta đã đi được những bước dài của sự tiến bộ, sự tự vận động.

Trong xã hội quá độ ở các dân tộc đi lên CNXH không qua CNTB phải đồng thời giải quyết một loạt vấn đề về kinh tế, chính trị, văn hóa và tư tưởng. Nếu xã hội có các hình thái kinh tế - xã hội cơ bản, thì thời kỳ phát triển quá độ cũng thể hiện đầy đủ sắc thái của một hình thái kinh tế - xã hội hoàn chỉnh (chỉ khác là đang ở trình độ thấp hơn). Ở đó cần giải quyết các mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng. Trong đó, vấn đề tồn tại hay không, tồn tại như thế nào các thành phần kinh tế thể hiện trong nội dung của các quan hệ sản xuất cũng được chú ý. Trong đó, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đặc biệt nhấn mạnh về sự cùng tồn tại các thành phần kinh tế trong các hình thái quá độ lên CNXH và CNCS. Vấn đề này cũng đã được V.I.Lênin đề cập nhiều lần, và ông gọi kinh tế nhiều thành phần trong thời kỳ quá độ cũng là nền kinh tế quá độ⁽⁴⁾.

Trong thời đại ngày nay, việc xử lý các quan hệ đó cần đặt trong bối cảnh của từng dân tộc, quốc gia và quốc tế sau khi chiến tranh ý thức hệ đã lùi vào quá khứ. Trong bối cảnh sinh động của nhận thức, tổ chức thực hiện và tổng kết thực tiễn, vấn đề vị trí, vị thế của các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân (trong đó có kinh tế tư bản nhà nước) lại được khơi dậy như một khẳng định cả về lý luận và thực tiễn.

2. Kinh tế tư nhân và xử lý về mặt nhận thức mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

Lực lượng sản xuất (LLSX) luôn là lực lượng dẫn dắt cơ sở kinh tế - xã hội. Đó là nguồn lực lao động, nguồn lực trí tuệ khoa học, kỹ thuật và công nghệ. Tính dẫn dắt của lực lượng sản xuất thể hiện ở chỗ nó quyết định phương hướng, phương thức hình thành và phát triển đối với quan hệ sản xuất (QHSX). Như vậy, trong quan hệ này, về mặt khách quan, QHSX không thể đi trước được. Nếu tác động chủ quan để đặt QHSX ở vị trí đi trước thì sớm muộn cũng nhận thất bại. Quan hệ sản xuất biểu hiện dưới dạng các thành phần kinh tế trong một xã hội cụ thể. Trong thời kỳ quá độ lên CNXH, các quan hệ sản xuất thể hiện vị thế, vai trò, tiềm lực và sức mạnh không giống nhau nhưng tồn tại một cách khách quan. Trong các QHSX ở thời kỳ quá độ lên CNXH thì các thành phần kinh tế tập thể và nhà nước có ưu thế hỗ trợ thể chế rõ rệt. Vì trong xã hội, lực lượng cầm quyền thuộc về giai cấp lao động mà đại diện là các đơn vị kinh tế tập thể và các cơ sở kinh tế nhà nước. Vấn đề ở chỗ trong xã hội quá độ, các thành phần kinh tế đại diện cho các QHSX cùng tồn tại một cách khách quan, nghĩa là các thành phần kinh tế đều có giá trị tồn tại và cống hiến. Vì vậy, các ứng xử thể chế (chủ trương, chính sách và pháp luật...) phải làm sao cho các thành phần kinh tế đều có dư địa tồn tại và phát triển như chính nó.

Khách quan cũng có nghĩa là trong thời kỳ quá độ các thành phần kinh tế ngoài kinh tế tập thể và nhà nước đều tồn tại mà chưa thể hiện ưu thế rõ rệt. Kinh tế tập thể và nhà nước còn hạn chế, yếu kém nhưng có chỗ đứng vững chắc trong thể chế định hướng tiến bộ, trong khi kinh tế tư nhân không có điều kiện đó. Ý chí, ý tưởng chủ quan chỉ có thể nhận thức bằng có tác động thúc đẩy hoặc kìm hãm. Đó cũng chính là khác biệt, đặc thù của vận động khách quan của giới tự nhiên so với vận động khách quan có tác động của con người trong các thiết chế xã hội. Đó là khả năng nhận thức, mức độ tạo động lực cho yếu tố này hoặc yếu tố khác một cách khoa học, văn minh hoặc là kéo lùi, cản trở. Tính phức tạp của nhận thức và thực tiễn ở chỗ mọi tính

toán và thực thi có tính chủ trương, chiến lược thì kết quả lúc đầu chỉ là dự kiến. Nó chỉ thể hiện sau một thời gian, có khi hàng chục năm mới bộc lộ ra. Ý chí tiến bộ sẽ đồng hành ở phía trước. Ý tưởng chủ quan làm cho mọi biến đổi về trình độ bị giậm chân tại chỗ.

Trong hầu hết các Văn kiện Đại hội ĐBTQ của Đảng Cộng sản Việt Nam đều khẳng định xã hội Việt Nam trong thời kỳ quá độ bao gồm nhiều thành phần kinh tế, trong đó hướng phát triển ưu tiên, giữ vai trò dẫn dắt, định hướng là kinh tế nhà nước. Ưu tiên không phải vô điều kiện, thiếu căn cứ, mà vì xã hội hướng tới dân chủ cho đa số người lao động thì thành phần kinh tế do người lao động đại diện phải có vị trí và vị thế. Nhưng tính khách quan của sự tồn tại các thành phần kinh tế đòi hỏi sự công minh, công bằng và dân chủ trong quản trị xã hội, quản trị nhà nước, phải được thể hiện bằng hệ thống pháp luật và tổ chức quản lý. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng loài người phát triển theo quy luật nhất định. Nhưng tùy hoàn cảnh mà các dân tộc phát triển theo con đường khác nhau⁽⁵⁾. Lịch sử phát triển của các dân tộc đã cho thấy, cùng những điều kiện tương đồng, cơ bản nhưng có dân tộc phát triển nhanh, có những bước đi độc đáo, có tính cách mạng; nhưng có những quốc gia trải qua các khúc quanh, thậm chí là bước thụt lùi.

Đến thời điểm này, Đảng và Nhà nước ta đã có sự nhất quán về những bước đi của thời kỳ quá độ gắn liền với vai trò của các lực lượng xã hội, nhìn từ góc độ của các thành phần kinh tế như một thực tại khách quan cần quán triệt, vận dụng và phát huy, tạo sự đồng hành của toàn hệ thống. Do đó, những căn cứ để phát triển kinh tế tư nhân như sau:

Thứ nhất, kinh tế tư nhân là bộ phận cấu thành, là thành phần cấu trúc của cơ sở hạ tầng ở thời kỳ quá độ lên CNXH. Nhận thức này chỉ là nhắc lại, nhấn mạnh lý luận về quan hệ giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng ở một giai đoạn lịch sử nhất định của một dân tộc. Nếu đó là thực tại khách quan thì nhất thiết phải tôn trọng và vận dụng một cách sáng tạo (chủ quan) để mọi thực thể đều tồn tại như chính sự tất yếu của chính nó. Kinh tế nhà nước luôn luôn được khẳng định về vị thế, những điều chỉnh tạo cơ hội

để phát triển, khẳng định vị trí. Nhưng với thế và lực, các thành phần kinh tế tập thể và nhà nước vẫn chưa thể đạt tới vị trí như nó cần phải có. Đó là khách quan cần phải tôn trọng để có lộ trình, bước đi cần thiết, là quan hệ quy luật khách quan và nhận thức chủ quan.

Thứ hai, những ưu điểm của khu vực tư nhân và những điểm yếu của khu vực tập thể và nhà nước. Đặc trưng này thể hiện tính ưu thế tư hữu của quản trị kinh tế và tính hạn chế của khu vực nhà nước. Suy cho cùng, ưu thế hay nhược điểm của các khu vực đều liên quan đến lợi ích, chỉ khác là mục đích lợi ích trong xã hội. Khu vực tư nhân có những thế mạnh mà khu vực nhà nước không thể có được. *Một là*, với sự bảo đảm của pháp luật ở khu vực tư (các chủ đầu tư, các cổ đông...), họ được chủ động lựa chọn tổ chức sản xuất hay đầu tư tư bản vào đâu, khu vực nào, đảm bảo tuân thủ và không vi phạm pháp luật. *Hai là*, nhu cầu lợi ích là động lực quyết định về tổ chức, nhân sự, điều hành sản xuất và lưu thông... Các chủ thể quản trị không thể lập ra tổ chức mà nó không có tác dụng cho sản xuất và sinh lợi. Họ không thể tuyển người mà người đó không có trong vị trí việc làm trong hệ thống tổ chức. Họ tuyển chọn những người ưu tú nhất để sắp xếp vào vị trí quản trị doanh nghiệp với mức thù lao xứng đáng. Nhưng những người này có thể bị sa thải bất kỳ lúc nào nếu người chủ thấy không phù hợp. Mọi sự đều sáng tỏ bằng thể chế của tổ chức theo pháp luật. Trong các tổ chức kinh tế tư nhân, không hề có hiện tượng gọi là “phình biên chế”, “bộ máy công kênh”, ngoại trừ một bộ phận năng lực quản trị kém, hệ quả dẫn đến thua lỗ, phá sản trong cuộc chiến cạnh tranh theo pháp luật. Nghĩa là đối với khu vực tư nhân, mọi thành bại đều do người chủ đầu tư quyết định và chịu trách nhiệm.

Ba là, đối với khu vực tư nhân, tính trách nhiệm xã hội cơ bản thể hiện trong hai căn cứ xác định nổi trội, đó là quan hệ giữa các nhà đầu tư và những điều kiện được nhà nước bảo đảm như một sự cam kết trách nhiệm tương hỗ. Doanh nghiệp không thể hoạt động “trên trời” được, nó cần có không gian, đất đai được nhà nước cung cấp (kể cả sự thỏa thuận mang yếu tố kinh tế, lợi ích). Nhà nước



Ảnh minh họa

cung cấp khuôn khổ pháp lý, có chính sách hỗ trợ, ưu đãi cần thiết; nhà nước bảo đảm doanh nghiệp hoạt động trong môi trường an ninh, an toàn và thân thiện. Khi cần thiết, Nhà nước làm cầu nối hỗ trợ doanh nghiệp hội nhập và khởi nghiệp. Yếu tố thứ hai là mặt nhân cách, nhân văn và cảm xúc về sự chia sẻ của giới chủ với tính cách là con người. Những nhân cách lớn luôn luôn tiềm ẩn lòng trắc ẩn về sự thấu cảm và chia sẻ cộng đồng. Trong dòng chảy của lịch sử dân tộc từ khi xuất hiện các nhà tư bản tư nhân đều xuất hiện những nhân cách lớn với tình cảm đặc biệt về sự chia sẻ với dân tộc, với cuộc kháng chiến chống ngoại xâm và sự nghiệp kiến quốc, với quê hương và cộng đồng.

Bốn là, do tính chủ thể chủ động rất cao (gần như tuyệt đối) nên khả năng chớp thời cơ, cơ hội cho sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp tư nhân là hơn hẳn các doanh nghiệp nhà nước. Trong nền kinh tế thị trường, tính cạnh tranh là thuộc tính mà mọi giới chủ cần có như một thuộc tính nghề nghiệp. Khi đó kỹ năng nhận thức, nhận ra thời cơ để chớp lấy như một bản năng của giới kinh doanh và lợi thế của khu vực tư so với doanh nghiệp nhà nước.

Năm là, lợi thế của khu vực tư, của kinh tế tư nhân phải chăng cũng chính là mặt hạn chế cố hữu như thuộc tính trong khu vực công: tính trách nhiệm bị chia sẻ, tính chủ động bị hạn chế; tính chớp thời cơ không thể so sánh với khu vực tư bởi sự chia sẻ chủ thể, thủ tục phức tạp...

3. Bài viết của Tổng Bí thư Tô Lâm về kinh tế tư nhân và một số đề xuất gợi mở

Tại sao hiện nay, trong bối cảnh đất nước cần có sự đổi mới cất cánh, chạy đua nhằm rút ngắn khoảng cách với các quốc gia đi trước trong khu vực và quốc tế thì Đảng và Nhà nước một lần nữa lại nhấn mạnh quan điểm, chủ trương và khung pháp lý đối với khu vực tư, với kinh tế tư nhân? Bởi vì trong bối cảnh thách thức và thời cơ, cần khơi lại động lực từ nhận thức lại, xác định và khẳng định vai trò của kinh tế tư nhân và thay đổi cách ứng xử trong quản trị kinh tế - xã hội của thể chế. Trong bài viết “Phát triển kinh tế tư nhân - Đòn bẩy cho một Việt Nam thịnh vượng” của Tổng Bí thư Tô Lâm ngày 17/3/2025 đã chỉ rõ:

Thứ nhất, khẳng định vị trí quan trọng của khu vực tư trong nền kinh tế của đất nước với số lượng gần một triệu doanh nghiệp,

khoảng 05 triệu hộ kinh doanh cá thể, khu vực kinh tế tư nhân; các doanh nghiệp tư nhân hiện đóng góp khoảng 51% GDP, hơn 30% ngân sách nhà nước. Họ tạo ra hơn 40 triệu việc làm, chiếm hơn 82% tổng số lao động trong nền kinh tế, đóng góp gần 60% vốn đầu tư toàn xã hội.

Thứ hai, với đóng góp vượt trội so với khu vực nhà nước về nguồn lực, nhưng kinh tế tư nhân hiện vẫn gặp nhiều rào cản trong tiếp cận nguồn lực, đặc biệt là vốn tín dụng, đất đai, tài nguyên. Bên cạnh các rào cản quản lý như thế, khu vực tư còn gặp khó khăn về thể chế như hệ thống pháp luật còn nhiều bất cập, chồng chéo, tổ chức quản lý còn tạo ra môi trường kinh doanh nhiều trở ngại, thủ tục hành chính phức tạp, tốn nhiều thời gian, chi phí và tiềm ẩn rủi ro. Những hạn chế đó dẫn tới bất cập quy định trong Hiến pháp về quyền tự do kinh doanh, nhiều trường hợp quyền tự do kinh doanh và quyền tài sản vẫn bị xâm hại, đồng thời tạo ra điểm nghẽn kìm hãm tốc độ tăng trưởng của khu vực kinh tế tư nhân.

Bài viết của Tổng Bí thư Tô Lâm nêu rõ 07 quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước ta đối với kinh tế tư nhân với tinh thần nhận thức lại về mặt lý luận và thực tiễn Việt Nam hiện nay tạo động lực như một cấu trúc tất yếu của kinh tế thị trường định hướng XHCN bằng việc hoàn thiện thể chế; bảo đảm quyền tài sản như một chủ thể trong cấu trúc thành phần kinh tế quá độ lên CNXH (quan điểm thứ nhất và thứ hai). Bên cạnh xử lý thực tiễn từ cơ sở nền tảng lý luận, nhóm quan điểm tạo động lực, mở ra cơ hội tối đa cho sự phát triển khu vực tư lớn mạnh theo hướng ưu tiên xây dựng các tập đoàn kinh tế tư nhân tầm cỡ khu vực và toàn cầu... nhằm giải phóng tối đa các nguồn lực phát triển cho kinh tế tư nhân (quan điểm thứ ba và thứ sáu). Chủ trương chính trị cần và phải biến thành quy định pháp luật làm cơ sở thực tiễn. Giữa trách nhiệm pháp lý của Nhà nước, xã hội và trách nhiệm đạo đức của các doanh nhân - con người Việt Nam cần và phải đi liền, hòa quyện với nhau tạo thành sức mạnh kinh tế, đạo đức và nhân văn (thể hiện trong quan điểm thứ năm và thứ bảy). Bài viết của Tổng Bí thư Tô Lâm cho thấy sự xóc lại một cách toàn diện quan điểm, thể chế, giải pháp,

đồng thời khơi thêm động lực, năng lượng, sự hứng khởi và lan tỏa văn hóa của doanh nhân trong nền tảng thể chế và văn hóa Việt Nam trong nền KTTT định hướng XHCN.

Qua bài viết của Tổng Bí thư Tô Lâm và bối cảnh hiện nay, từ góc độ nghiên cứu, có thể có một số đề xuất như sau:

Thứ nhất, sự nhận thức theo hướng thừa nhận các thành phần kinh tế là một thực tại khách quan, là không tránh khỏi⁽⁷⁾. Nghĩa là không thể thay đổi theo ý chí chủ quan dẫn đến mâu thuẫn, nhấn mạnh khu vực nhà nước trong khi khu vực này chưa đủ thế và lực, hoặc hạn chế khu vực tư khi khu vực này còn có những thế mạnh, ưu điểm không thể thay thế, cũng như sự tồn tại của các thiết chế kinh tế khác nhau trong giai đoạn quá độ là không tránh khỏi.

Thứ hai, trong mọi quá trình phát triển đến trước CNCS, vấn đề dân tộc độc lập và phát triển thịnh vượng trên cơ sở mọi thiết chế đều có dư địa phát triển, đều được bảo vệ vẫn là căn bản của các thể chế, trong đó có Việt Nam.

Thứ ba, vai trò không thể thay thế tác động tới các thành phần kinh tế là thể chế chính trị định hướng XHCN bảo đảm cho mọi thiết chế đều được tự do sáng tạo và cống hiến. Đồng thời, tất cả các thành phần kinh tế phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát một cách chặt chẽ, minh bạch trên nền tảng pháp chế nhà nước. Quan điểm này cũng thể hiện sự vận dụng quan điểm của V.I. Lênin vào xã hội Việt Nam hiện nay. Tất cả đều hướng tới sự phát huy nguồn lực xã hội, mọi cá nhân và tổ chức đều có cơ hội để vươn lên và phát triển./.

Ghi chú:

(1) Tổng Bí thư Tô Lâm, *Phát triển kinh tế tư nhân - đòn bẩy cho một Việt Nam thịnh vượng*, <https://baochinhphu.vn/phat-trien-kinh-te-tu-nhan-don-bay-cho-mot-viet-nam-thinh-vuong-10225031716522207.htm>, đăng ngày 17/3/2025.

(2), (3) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb CTQG-ST, H.2011, tr.315, tr.315.

(3) V.I. Lênin, *Toàn tập*, tập 36, Nxb Tiến bộ, M.1977, tr.362.

(4) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 8, sđd, tr.293.